

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2018.

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon
2. Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và 10 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1976;

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T1, sinh năm: 1973

Cùng nơi cư trú: Ấp Bình H, xã Bình Th, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2018, biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2018, biên bản hòa giải ngày 04/5/2018, ngày 28/5/2018 và trong quá trình xét xử:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Chị và anh T1 không có tình cảm trước mà do mai mối, tổ chức đám cưới năm 1991, đến ngày 11/6/2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh

Đồng Tháp. Trong thời gian chung sống giữa chị và anh T1 không hạnh phúc do anh T1 thường hay ăn chơi, có người phụ nữ khác bên ngoài, đến năm 2008 chị biết việc anh T1 quan hệ vợ chồng với người phụ nữ khác, bị chị T đánh ghen nên chị T bỏ đi làm xa và sống ly thân anh T1 từ năm 2012 đến nay. Năm 2016 chị có gặp anh T1 hàn gắn nhưng không được, hiện nay anh T1 đã sống như vợ chồng với người phụ nữ khác.

Trong quá trình chị T và anh T1 chung sống thì có tạo được:

- Con chung: Có hai người con tên Đặng Ché L, sinh năm: 1995 và Đặng Thị Bé Đ, sinh năm: 1999, cháu L đã đi làm, còn cháu Đ đang học đại học, hiện nay cháu L và Đ đang sống chung với chị T.

- Tài sản chung: Đã tự thỏa thuận xong.

- Nợ chung: Đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn T1, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T1 về yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Sau khi kết hôn chị và anh T1 sống chung với gia đình chồng, do anh T1 là con út trong gia đình, anh T1 thường ăn chơi không lo làm, nhiều lần chị và mẹ chồng đã khuyên ngăn nhưng anh T1 không thay đổi. Nay chị không còn tình cảm với anh T1 nên yêu cầu ly hôn, con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, riêng đối với bị đơn anh T1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ và đầy đủ các văn bản tố tụng để tham gia vào quá trình giải quyết vụ án, nhưng bị đơn đều vắng mặt theo thông báo của Tòa án, chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, cần phê bình rút kinh nghiệm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn

Thanh T đối với anh Đặng Văn T1, con chung cháu Đặng Chế L, sinh năm: 1995 và cháu Đặng Thị Bé Đ, sinh năm: 1999 đã trưởng thành không xem xét giải quyết, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về áp dụng pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay anh Đặng Văn T1 vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ xác nhận của công an xã Bình Th ngày 11/6/2018 xác nhận anh Đặng Văn T1 hiện nay có thỉnh thoảng về địa phương với thời gian ngắn rồi tiếp tục bỏ đi, căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2016 của anh Đặng Văn T là cháu ruột của anh T1, hiện nay đang sống tại nhà của anh T1 trình bày: Anh T1 hiện nay đang đi làm ở Tân Hưng, Long An, có thường về nhà và có biết việc chị T khởi kiện ly hôn nhưng anh T1 nói là sẽ không đi đến Tòa để giải quyết ly hôn với chị T. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật nội dung:

[1] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không lo làm ăn, có vợ khác bên ngoài, chị T và anh T1 không tìm ra phương cách để hàn gắn tình cảm, chị T cương quyết ly hôn với anh T1. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải cho hai bên hàn gắn đoàn tụ nhưng anh T1 không có mặt theo thông báo của Tòa án. Xét thấy, anh T1 không có thiện chí muốn đoàn tụ, hàn gắn với chị T, không đến tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, anh chị đã ly thân thời gian dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] **Về con chung:** Trong thời gian chung sống chị T và anh T1 có hai người con chung tên Đặng Chế L, sinh năm 1995 và Đặng Thị Bé Đ, sinh năm 1999, hiện nay các cháu đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung:** Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí:** Chị T phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thanh T đối với anh Đặng Văn T1.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BG/2015- 0002369 ngày 07/3/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Th, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án/ Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thor

